

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng;

Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 360/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 247/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Mai Đức Th**, sinh năm 1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC Ktrên, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Chu Thị H**, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC Ktrên, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Mai Huy Kh**, sinh năm 1957. Địa chỉ: 68/281 TR, phường Th, quận H, thành phố Hà Nội.

4. Người được anh Th ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị **Vũ Thị Ch**, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC Tr, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Mai Đức Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C (nay là phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương) vào ngày 20/10/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm và lối sống. Năm 2015, chị H đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) do điều kiện công việc anh Th có gửi con cho ông bà nội chăm sóc giúp nhưng không may con lớn nhà anh bị chết đuối khiến tình cảm vợ chồng càng thêm căng thẳng. Năm 2019 anh sang Đài Loan (Trung Quốc) lao động để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý, thậm chí thời gian sau này chị không gặp và cắt đứt mọi liên lạc với anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Chu Thị H theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Mai Văn M (đã chết năm 2015) và Th, sinh ngày 25/12/2012, hiện đang ở với gia đình ông Mai Huy Kh (là bố đẻ anh Th). Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con. Do hiện nay anh đang lao động tại nước ngoài nên anh đề nghị Tòa án tạm giao con chung cho ông Mai Huy Kh chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh không có mặt ở Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Th có nguyện vọng ở cùng với bố Mai Đức Th và gia đình ông Mai Huy Kh.

Tại lời khai của ông Mai Huy Kh (bố đẻ anh Mai Đức Th) thể hiện: Anh Mai Đức Th và chị Chu Thị H được tự do tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong việc quản lý kinh tế gia đình. Hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải để anh cùng sang nước ngoài làm ăn kinh tế với chị H nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Nay anh Th có đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Ông nhất trí sự ủy quyền của anh Th về việc tạm nuôi con chung trong thời gian anh Th không có mặt tại Việt Nam và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại lời khai của bà Bùi Thị Tốt (mẹ đẻ chị Chu Thị H) thể hiện: Chị Chu Thị H hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), địa chỉ cụ thể thì bà không biết, nhưng chị H thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Chu Thị H biết. Vợ chồng chị H, anh Th xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì bà không nắm được. Nay anh Th có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, gia đình đã thông báo cho chị H biết. Chị H không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với bà qua điện thoại và xác định tình

cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị H nhất trí việc giao con chung Th cho anh Th nuôi dưỡng và tạm giao cho ông Mai Huy Kh nuôi cháu trong thời gian anh Th không có mặt tại Việt Nam. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Anh Mai Đức Th và chị Chu Thị H kết hôn hợp pháp và sinh sống tại địa phương. Nay anh Th có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa, anh Th, ông Khôi vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Chị H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Mai Đức Th ly hôn chị Chu Thị H. Về con chung: Giao con chung Th, sinh ngày 25/12/2012 cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con. Trong thời gian anh Th không ở Việt Nam, tạm giao cháu Thịnh cho ông Mai Huy Kh chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Chu Thị H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu dân cư Ktrên, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th và gia đình bà Tốt không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình bà Tốt vẫn thường xuyên liên lạc với chị H nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho chị H biết việc anh Th đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho chị H biết. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt lần thứ hai, ông Khôi, anh Th có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Đức Th và chị Chu Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương), ngày 20/10/2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không thống nhất về kinh tế. Thời gian sau này anh chị sang nước ngoài lao động nhưng vợ chồng không quan tâm và liên lạc với nhau. Chị Chu Thị H không thể hiện quan điểm bằng văn bản nhưng thông qua việc liên lạc bằng điện thoại với gia đình, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Mâu thuẫn giữa anh Mai Đức Th và chị Chu Thị H được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa phương và của các đương sự. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Mai Đức Th ly hôn chị Chu Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Mai Đức Th và chị Chu Thị H có hai con chung là Mai Văn Minh (đã chết năm 2015) và Th, sinh ngày 25/12/2012. Xét về thực tế cháu Thịnh hiện đang ở cùng với ông nội là Mai Huy Kh. Mặt khác, con chung Th có nguyện vọng ở cùng với bố và gia đình ông Khôi. Anh Mai Đức Th ủy quyền cho ông Khôi nuôi cháu Thịnh trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Chị H nhất trí việc để gia đình ông Khôi tạm nuôi cháu Thịnh. Để đảm bảo sự ổn định, quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho anh Mai Đức Th nuôi dưỡng con chung Th, chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con. Như vậy là đảm bảo nguyện vọng của các đương sự và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh Th không ở Việt Nam, tạm giao cháu Thịnh cho ông Khôi chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu chị H có căn cứ cho rằng anh Th không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Anh Mai Đức Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Mai Đức Th** ly hôn chị **Chu Thị H**.

2. Về con chung: Giao cho anh Mai Đức Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Th, sinh ngày 25/12/2012 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị Chu Thị H thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong thời gian anh Mai Đức Th không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Th cho ông Mai Huy Kh chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Anh Mai Đức Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do chị Vũ Thị Chang đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001670 ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Mai Đức Th, chị Chu Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông Mai Huy Kh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố C, Hải Dương (để ghi số hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Tân